

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2022/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2022

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý
của Bộ Giao thông vận tải**

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Viện trưởng Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối với dịch vụ sự nghiệp công có nội dung công việc là hoạt động xây dựng, việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải là dịch vụ sự nghiệp công do cấp có thẩm quyền ban hành, được Nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật là mức hao phí cần thiết về nhân công, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động và các hao phí khác (nếu có) để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công trong điều kiện cụ thể.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, quy trình kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành đối với thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, đảm bảo tính tiên tiến, tính thống nhất và tính kế thừa.

2. Được xây dựng dựa trên thành tựu khoa học và công nghệ, bảo đảm tính ổn định trong thời gian nhất định và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

3. Được xây dựng theo từng sản phẩm, dịch vụ riêng hoặc nhóm các sản phẩm, dịch vụ tương đồng về nội dung, quy trình thực hiện, giống nhau về tính chất,

phương tiện, trình tự thực hiện các hạng mục công việc của sản phẩm, dịch vụ công; nhóm các dịch vụ này do cơ quan chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xác định và phải thuyết minh rõ trong quá trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

4. Bảo đảm tính thống nhất trong công tác xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về dịch vụ sự nghiệp công của Bộ Giao thông vận tải.

5. Đảm bảo tính đúng, tính đủ, tính phù hợp và hiệu quả trong quản lý, thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

Chương II

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Điều 5. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ, hồ sơ thiết kế, tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.

2. Quy định pháp luật hiện hành về chế độ làm việc của người lao động.

3. Điều kiện thực tế hoạt động của các đơn vị về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực tài chính, đất đai, năng lực, trình độ tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị.

4. Số liệu thống kê, số liệu khảo sát thực tế và các tài liệu có liên quan.

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình xác định định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành đã ban hành để xác định mức tiêu hao đối với từng công việc hoặc nhóm công việc.

6. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 6. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Phương pháp thống kê, tổng hợp: là phương pháp căn cứ số liệu thống kê hằng năm hoặc trong các kỳ báo cáo (số liệu thống kê phải đảm bảo độ tin cậy,

tính pháp lý trong thời gian tối thiểu ba năm liên tục trước thời điểm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật) và dựa vào kinh nghiệm thực tế hoặc các thông số so sánh để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

2. Phương pháp so sánh: là phương pháp căn cứ vào các định mức của công việc, sản phẩm tương đương đã thực hiện trong thực tế để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Phương pháp tiêu chuẩn: là phương pháp căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của pháp luật về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi, mức tiêu hao máy móc, thiết bị để xây dựng định mức lao động, định mức máy móc, thiết bị cho từng công việc hoặc nhóm công việc.

4. Phương pháp phân tích thực nghiệm: là tổ chức khảo sát, thực nghiệm theo từng quy trình, nội dung công việc; căn cứ kết quả khảo sát, thực nghiệm để phân tích, tính toán từng yếu tố cấu thành định mức.

5. Phương pháp tổng hợp là phương pháp kết hợp từ hai phương pháp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 của Điều này.

Điều 7. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật gồm các nội dung chính như sau:

1. Hướng dẫn áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm: phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng; điều kiện áp dụng; các yếu tố tự nhiên - xã hội và các điều kiện khác liên quan đến thực hiện công việc để xác định hệ số điều chỉnh tương ứng với các mức khó khăn so với điều kiện áp dụng (trong trường hợp cần thiết).

2. Nội dung công việc: liệt kê mô tả nội dung công việc, các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện công việc từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc để thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công.

3. Định mức hao phí: là các hao phí cần thiết để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công.

4. Trình tự xây dựng nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật; hồ sơ báo cáo kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và việc xác định các hao phí của định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật theo hướng dẫn tại Thông tư này, Thông tư số 26/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Giao thông vận tải và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Kiểm tra, rà soát kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật. Trường hợp cần thiết, có thể đề xuất phương án thẩm tra kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của số liệu và các chỉ số của định mức kinh tế - kỹ thuật.

4. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế định mức kinh tế - kỹ thuật kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý và thực tiễn.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu trình định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Kiểm tra, rà soát hồ sơ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư này, Thông tư số 26/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Giao thông vận tải và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong định mức kinh tế - kỹ thuật.

Điều 10. Kinh phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Kinh phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Việc lập, phân bổ, quản lý kinh phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2023.
2. Đối với các dịch vụ công thuộc lĩnh vực giao thông vận tải không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này mà chưa có quy định hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thì tổ chức, cá nhân có liên quan có thể tham khảo hướng dẫn tại Thông tư này trong quá trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Danh Huy

PHỤ LỤC

Trình tự xây dựng nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật; hồ sơ báo cáo kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và việc xác định các hao phí của định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Trình tự xây dựng nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Trình tự xây dựng nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các bước sau:

1. Bước 1: Xác định tên, thành phần công việc và đơn vị tính

a) Mỗi định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công phải thể hiện rõ tên, loại dịch vụ, yêu cầu chất lượng (nếu có), biện pháp thực hiện, điều kiện thực hiện và đơn vị tính của định mức;

b) Thành phần công việc cần thể hiện các bước thực hiện công tác theo quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành, phù hợp với điều kiện, biện pháp và phạm vi thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

2. Bước 2: Xác định các hao phí

Việc xác định các hao phí của định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện theo hướng dẫn tại mục II Phụ lục này.

3. Bước 3: Tổng hợp kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Trên cơ sở hao phí của từng công đoạn, từng bước công việc, tổng hợp định mức theo nhóm, loại công việc; thực hiện mã hóa thống nhất trên cơ sở tổng hợp các khoản mục hao phí, gồm các nội dung:

- a) Tên định mức; đơn vị tính của định mức; mã hiệu định mức;
- b) Hướng dẫn áp dụng;
- c) Nội dung công việc;
- d) Các thành phần hao phí của định mức và trị số định mức;
- đ) Các ghi chú, chỉ dẫn khác (nếu có).

II. Xác định hao phí của định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Hao phí vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động

a) Xác định thành phần hao phí

Thành phần hao phí vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động được xác định theo yêu cầu của quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, yêu cầu thực tế để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công. Thành phần hao phí bao gồm:

- Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng chính: là các loại vật liệu, nhiên liệu, năng lượng chủ yếu, bắt buộc phải sử dụng trong quá trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công và chiếm tỷ trọng chi phí lớn.

- Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng phụ: là các loại vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tiêu hao trong quá trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công và chiếm tỷ trọng chi phí nhỏ.

- Phụ tùng thay thế: là các loại vật tư, phụ tùng phải thay thế trong quá trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

- Dụng cụ lao động: là các loại dụng cụ lao động sử dụng trong quá trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

b) Xác định mức hao phí

Hao phí vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động được tính toán cụ thể cho từng loại vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công và được xác định trên cơ sở:

- Mức sử dụng hoặc mức tiêu hao vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và thông số kỹ thuật của phương tiện, máy móc, thiết bị được sử dụng trong quá trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

- Số liệu thống kê, số liệu khảo sát thực nghiệm về sử dụng vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công.

2. Hao phí nhân công

a) Hao phí nhân công gồm hao phí nhân công trực tiếp và hao phí nhân công gián tiếp từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc tính cho một sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công; được quy đổi ra ngày công.

- Hao phí nhân công trực tiếp được xác định trên số lượng, cấp bậc công nhân trực tiếp thực hiện để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công.

- Hao phí nhân công gián tiếp (quản lý, phục vụ,...) được tính theo tỷ lệ phần trăm của nhân công trực tiếp.

b) Hao phí nhân công được phân tích, tính toán trên cơ sở: (i) các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ, hồ sơ thiết kế, tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất; (ii) số liệu thống kê tổng hợp; (iii) số liệu phân tích khảo sát thực nghiệm; (iv) hệ số chuyển đổi hao phí quy định tại khoản 5 mục này.

3. Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị

a) Xác định thành phần hao phí

Thành phần hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị được xác định theo yêu cầu của quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công và yêu cầu thực tế để hoàn thành một đơn vị dịch vụ sự nghiệp công. Thành phần hao phí bao gồm:

- Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị chính là hao phí các loại phương tiện, máy móc, thiết bị chủ yếu, chiếm tỷ trọng chi phí lớn và bắt buộc phải sử dụng trong quá trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

- Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị khác là hao phí các loại phương tiện, máy móc, thiết bị chiếm tỷ trọng nhỏ trong quá trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

b) Xác định mức hao phí

- Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị là thời gian cần thiết đối với từng loại phương tiện, máy móc, thiết bị để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công.

- Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị được xác định trên cơ sở: (i) các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ, hồ sơ thiết kế, tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất; (ii) số liệu thống kê tổng hợp; (iii) số liệu phân tích khảo sát thực nghiệm; (iv) hệ số chuyển đổi hao phí quy định tại khoản 5 mục này.

4. Hao phí khác

Hao phí khác là các hao phí cần thiết để thực hiện dịch vụ sự nghiệp công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công ngoài các hao phí nêu tại khoản 1, 2, 3 mục này được xác định theo quy định pháp luật có liên quan.

5. Hệ số chuyển đổi hao phí

Hệ số chuyển đổi hao phí được xác định phụ thuộc vào phương pháp xác định hao phí; các yếu tố tự nhiên - xã hội và các điều kiện khác liên quan đến thực hiện công việc; xác định các mức khó khăn khác với điều kiện chuẩn. Cụ thể như sau:

Nội dung	Tính toán theo hồ sơ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ, hồ sơ thiết kế, tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất	Tính toán theo số liệu thống kê	Tính toán theo số liệu khảo sát thực nghiệm
Hao phí nhân công	$\leq 1,2$	$\leq 1,15$	$\leq 1,1$
Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị	$\leq 1,15$	$\leq 1,1$	$\leq 1,05$

III. Hồ sơ báo cáo kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Hồ sơ báo cáo kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công bao gồm:

1. Báo cáo kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật; Báo cáo thẩm tra kết quả xây dựng định mức (nếu có).

2. Báo cáo thuyết minh tính toán: phân tích, đánh giá, xử lý số liệu và bảng tính toán trị số định mức; thuyết minh làm rõ các nội dung: thành phần công việc, hướng dẫn áp dụng và điều kiện áp dụng (nếu có). Trong đó: